

Số: 04 /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức trợ cấp ngày công lao động, chế độ phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù cho lực lượng dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành của một số điều của Luật dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 102/2010/TT-TTLT-BQP-BLĐT BXH-BNV-BTC ngày 02/8/2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đề án tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 96/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Đề án tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận tại Công văn số 09/BCH-PTM ngày 04 tháng 01 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trợ cấp ngày công lao động cho lực lượng dân quân tự vệ trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 8, Luật Dân quân tự vệ; theo Mệnh lệnh của cấp có thẩm quyền với định mức như sau:

1. Đối với dân quân tự vệ, trừ dân quân tự vệ biển và dân quân thường trực

a) Đối với dân quân: Được trợ cấp ngày công lao động theo mức 0,08 mức lương cơ sở chung cho một người/một ngày; nếu làm nhiệm vụ từ 22 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau, nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại thì được hưởng chế độ theo quy định của Bộ Luật lao động. Khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có



điều kiện đi, về hàng ngày thì được bố trí nơi nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi, về; được hỗ trợ tiền ăn như chiến sĩ bộ binh trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Đối với tự vệ: Được trả nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp đi đường và tàu, xe theo chế độ hiện hành.

2. Dân quân thường trực sẵn sàng chiến đấu tại địa bàn trọng điểm quốc phòng và an ninh thì được trợ cấp ngày công lao động không thấp hơn hệ số 0,1 mức lương cơ sở chung cho một người/một ngày, được bố trí nơi nghỉ và hỗ trợ tiền ăn như chiến sĩ bộ binh trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ biển

a) Dân quân tự vệ biển khi huấn luyện, làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, tìm kiếm cứu nạn trên biển.

- Dân quân: Được trợ cấp ngày công lao động, mức trợ cấp không thấp hơn hệ số 0,12 mức lương cơ sở chung cho một người/một ngày; được hỗ trợ tiền ăn như chiến sĩ Hải quân trên tàu cấp một neo đậu tại căn cứ.

- Tự vệ: Được trả nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp đi đường và tàu, xe theo chế độ hiện hành.

b) Dân quân tự vệ trong thời gian làm nhiệm vụ tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quyết định điều động của cấp có thẩm quyền.

- Dân quân: Được trợ cấp ngày công lao động, mức trợ cấp bằng hệ số 0,25 mức lương cơ sở chung; được hưởng tiêu chuẩn ăn một người/một ngày bằng 0,1 mức lương cơ sở. Đối với thuyền trưởng, máy trưởng được trợ cấp thêm một khoản phụ cấp trách nhiệm một người/một ngày bằng 0,08 mức lương cơ sở.

- Tự vệ: Được trả nguyên lương, các khoản phụ cấp hiện hưởng, phúc lợi theo chế độ hiện hành và được hưởng 50% lương ngạch bậc tính theo ngày thực tế huy động; được hưởng tiêu chuẩn ăn một người/một ngày bằng 0,1 mức lương cơ bản.

Điều 2. Chế độ phụ cấp thâm niên; phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự; chính sách dân quân khi thực hiện nhiệm vụ bị ốm, bị tai nạn, bị chết.

1. Chế độ phụ cấp thâm niên

a) Cán bộ Ban chỉ huy quân sự (CHQS) cấp xã có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên. Mức phụ cấp như sau: sau 5 năm (đủ 60 tháng) công tác liên tục thì được hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hoặc phụ cấp hàng tháng hiện hưởng; từ năm thứ 6 trở đi mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%.

b) Cán bộ Ban CHQS cấp xã nếu có thời gian công tác liên tục ở các ngành được tính hưởng phụ cấp thâm niên nghề nghiệp thì được cộng nối thời gian đó với thời gian làm cán bộ Ban CHQS cấp xã để tính hưởng phụ cấp thâm niên.

2. Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự: Chỉ huy phó Ban CHQS cấp xã, Trung đội trưởng dân quân cơ động được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng bằng 50% tổng phụ cấp hiện hưởng gồm: phụ cấp hàng tháng, phụ cấp chức vụ, thâm niên (nếu có), tính từ tháng có quyết định bổ nhiệm đến khi thôi giữ chức.

3. Chế độ, chính sách đối với dân quân khi thực hiện nhiệm vụ bị ốm, bị tai nạn, bị chết: Thực hiện theo Điều 21, 22 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành của một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

Điều 3. Bảo đảm kinh phí

1. Kinh phí bảo đảm cho lực lượng dân quân thực hiện nhiệm vụ được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp (xã, phường, thị trấn; huyện, thành phố; tỉnh) và ngân sách thu từ quỹ quốc phòng-an ninh.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có lực lượng tự vệ có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho tự vệ huấn luyện và hoạt động theo quy định.

Điều 4. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn cho cơ quan chuyên môn các cấp lập dự toán hàng năm sử dụng và thanh quyết toán theo quy định Nhà nước hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định mức trợ cấp ngày công lao động cho lực lượng Dân quân khi làm nhiệm vụ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Quốc phòng; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản/Bộ Tư pháp;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 5;
- Cục DQTV/Bộ TTM;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT. Hội đồng ND các huyện, tp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tỉnh điện tử tỉnh NT;
- VPUB: CVP; TTTH-CB;
- Lưu VT, NC. NH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh